

Skretting là tập đoàn hàng đầu thế giới về cung cấp giải pháp dinh dưỡng sáng tạo và bền vững cho ngành nuôi trồng thủy sản, với trụ sở đặt tại Stavanger, Na-uy. Skretting có nhà máy tại 19 quốc gia ở khắp 5 châu lục, sản xuất và cung cấp thức ăn chất lượng cao cho hơn 60 loài từ con giống đến khi thu hoạch. Tổng sản lượng thức ăn hàng năm đạt hơn 2 triệu tấn.

Tại Việt Nam, Skretting chuyên sản xuất thức ăn thủy sản chất lượng cao với các nhà máy đặt tại tỉnh Long An. Bên cạnh đó, Skretting còn sản xuất thức ăn thủy sản cho toàn bộ khu vực Nam Á.

Skretting có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản bởi sự hiện diện toàn cầu, năng lực sáng tạo vượt trội, nền tảng kỹ thuật chuyên sâu cũng như khả năng ứng dụng những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và an toàn.

Việc kiểm soát nguồn nguyên liệu và chất lượng thức ăn luôn là ưu tiên hàng đầu của Skretting. Chúng tôi ý thức rằng điều làm nên sự khác biệt của Skretting chính là tính nhất quán trong việc mang lại những sản phẩm chất lượng cao nhờ vào việc tuân thủ nghiêm ngặt những tiêu chuẩn như ISO 9001, HACCP, GlobalG.A.P, BAP, và Nutrace®. Trong đó, Nutrace® là tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc của Skretting đã được công nhận và tin tưởng bởi các nhà phân phối sản phẩm thủy sản xuất khẩu từ Việt Nam trên toàn thế giới.

Skretting cam kết thực thi trách nhiệm của mình trong toàn bộ chuỗi cung ứng từ khâu nuôi đến bàn ăn, đảm bảo sản phẩm thủy sản ngon miệng và an toàn cho người tiêu dùng trong và ngoài nước.

ĐƯA TÔM VIỆT VƯỜN XA



Sản phẩm thức ăn đột phá được Skretting nghiên cứu và hoàn thiện cho sự phát triển toàn diện của tôm thẻ chân trắng.



SAPPHIRE - DINH DƯỠNG TỐI ƯU CHO TÔM THẺ CHÂN TRẮNG

- Đảm bảo đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho sự phát triển toàn diện của tôm thẻ chân trắng, FCR thấp với chi phí hợp lý.
- Độ bền trong nước cao, khả năng dẫn dụ tốt và tỉ lệ thất thoát tối thiểu là các tiêu chí hàng đầu của sản phẩm.
- Công thức được cải tiến nhằm giảm thiểu lệ thuộc vào các nguyên liệu khan hiếm hoặc có độ bền kém, góp phần xây dựng nghề nuôi tôm bền vững, thân thiện với môi trường.

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Mã thức ăn	Dạng viên	Trọng lượng (kg/bao)	Đạm thô (% min.)	Béo thô (%)	Tro (% max.)	Xơ thô (% max.)	Độ ẩm (% max.)	Ca (%)	P (%)
Sapphire 1	Mảnh 18-25 mesh	2 bao x 5 kg	40	5 - 7	14	3	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 2	Viên 1.0x1.5-2 mm	10	40	5 - 7	14	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 3	Viên 1.2x1.5-2 mm	20	40	5 - 7	14	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 4	Viên 1.4x2-4 mm	20	40	5 - 7	15	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 5	Viên 1.6x2-4 mm	20	38	5 - 7	15	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 6	Viên 1.8x2-4 mm	20	38	4 - 6	15	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 7	Viên 1.8x3-5 mm	20	38	4 - 6	15	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2
Sapphire 8	Viên 2x3-5 mm	20	36	4 - 6	16	4	11	1.0 - 2.3	1 - 2

SAPPHIRE

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THỨC ĂN SAPPHIRE CHO 100.000 PL10 TÔM THẺ CHÂN TRẮNG THẢ NUÔI MẬT ĐỘ 100 CON/M²



Mã thức ăn	Ngày nuôi	T. Lượng tôm (g/con)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ T.ăn cho vào toàn bộ nhà (%)	T.gian k.tra nhà (phút)
TB0	1	0.02	2.0		
	2	0.04	2.2		
	3	0.08	2.4		
	4	0.13	2.6		
	5	0.18	2.9		
SAPPHIRE 1	6	0.24	3.2		
	7	0.30	3.5		
	8	0.37	3.9		
	9	0.44	4.3		
	10	0.52	4.7		
	11	0.60	5.2		
	12	0.69	5.7		
	13	0.79	6.2		
	14	0.90	6.7		
SAPPHIRE 2	15	1.02	7.3		
	16	1.14	7.9		
	17	1.27	8.6		
	18	1.41	9.3		
	19	1.56	10.0		
	20	1.72	10.7		
	21	1.89	11.5		
	22	2.08	12.3	1.5	120
	23	2.28	13.1	1.5	120
	24	2.48	13.9	1.5	120
SAPPHIRE 3	25	2.69	14.7	2.0	120
	26	2.90	15.5	2.0	120
	27	3.12	16.3	2.0	120
	28	3.35	17.1	2.0	120
	29	3.58	17.9	2.0	120
	30	3.81	18.7	2.0	120
	31	4.05	19.6	2.0	120
	32	4.30	20.4	2.5	90
	33	4.55	21.2	2.5	90
	34	4.80	22.0	2.5	90
SAPPHIRE 4	35	5.06	22.8	2.5	90
	36	5.32	23.3	2.5	90
	37	5.58	23.9	2.5	90
	38	5.84	24.5	2.5	90

Mã thức ăn	Ngày nuôi	T. Lượng tôm (g/con)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ T.ăn cho vào toàn bộ nhà (%)	T.gian k.tra nhà (phút)
SAPPHIRE 5	39	6.11	25.1	2.5	90
	40	6.38	25.7	3.0	90
	41	6.65	26.3	3.0	90
	42	6.92	26.9	3.0	90
	43	7.20	27.5	3.0	90
	44	7.48	28.1	3.0	90
	45	7.76	28.7	3.0	90
	46	8.04	29.2	3.0	60
	47	8.32	29.8	3.0	60
	48	8.61	30.4	3.0	60
SAPPHIRE 6	49	8.90	31.0	3.0	60
	50	9.19	31.5	3.0	60
	51	9.48	32.1	3.0	60
	52	9.77	32.6	3.0	60
	53	10.06	33.2	3.0	60
	54	10.35	33.7	3.0	60
	55	10.64	34.3	3.0	60
	56	10.93	34.8	3.0	60
	57	11.22	35.4	3.0	60
	58	11.51	35.9	3.0	60
SAPPHIRE 7	59	11.81	36.4	3.0	60
	60	12.11	37.0	3.0	60
	61	12.41	37.5	3.5	60
	62	12.71	38.0	3.5	60
	63	13.01	38.5	3.5	60
	64	13.32	39.0	3.5	60
	65	13.63	39.5	3.5	60
	66	13.94	40.0	3.5	60
	67	14.25	40.5	3.5	60
	68	14.56	41.0	3.5	60
SAPPHIRE 8	69	14.88	41.5	3.5	60
	70	15.20	42.0	3.5	60
	71	15.52	42.5	4.0	60
	72	15.84	43.0	4.0	60
	73	16.16	43.5	4.0	60
	74	16.48	43.9	4.0	60
	75	16.80	44.4	4.0	60
	76	17.13	44.9	4.0	60

Mã thức ăn	Ngày nuôi	T. Lượng tôm (g/con)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ T.ăn cho vào toàn bộ nhà (%)	T.gian k.tra nhà (phút)
SAPPHIRE 7	77	17.46	45.3	4.0	60
	78	17.79	45.8	4.0	60
	79	18.12	46.3	4.0	60
	80	18.45	46.7	4.0	60
	81	18.78	47.2	4.0	60
	82	19.11	47.6	4.0	60
	83	19.43	48.0	4.0	60
	84	19.75	48.5	4.0	60
	85	20.07	48.9	4.0	60
	86	20.39	49.3	4.0	60
	87	20.71	49.8	4.0	60
	88	21.03	50.2	4.0	60
SAPPHIRE 8	89	21.35	50.6	4.0	60
	90	21.67	51.0	4.0	60
	91	21.99	51.4	4.0	60
	92	22.31	51.8	4.0	60
	93	22.62	52.2	4.0	60
	94	22.93	52.6	4.0	60
	95	23.24	53.0	4.0	60
	96	23.55	53.4	4.0	60
	97	23.86	53.8	4.0	60
	98	24.17	54.2	4.0	60
	99	24.48	54.6	4.0	60
	100	24.79	54.9	4.0	60
SAPPHIRE 8	101	25.10	55.3	4.0	60
	102	25.41	55.7	4.0	60
	103	25.72	56.0	4.0	60
	104	26.03	56.4	4.0	60
	105	26.34	56.7	4.0	60
	106	26.65	57.1	4.0	60
	107	26.96	57.4	4.0	60
	108	27.26	57.8	4.0	60
	109	27.56	58.1	4.0	60
	110	27.86	58.5	4.0	60
	111	28.16	58.8	4.0	60
	112	28.46	59.1	4.0	60

$$\text{Thức ăn cho vào 1 nhà} = \frac{\text{Tỷ lệ \% thức ăn cho vào toàn bộ nhà} \times \text{Lượng thức ăn trong cũ}}{\text{Số lượng nhà}}$$

*Số lần cho ăn: 4-5 lần/ngày
 *Lượng thức ăn cho tôm ăn hàng ngày cần được điều chỉnh dựa theo sàng ăn, việc kiểm tra theo chu kỳ lột xác, sức khỏe của tôm, chất lượng nước và thời tiết.

ĐIỀU CHỈNH LƯỢNG THỨC ĂN
 Nếu trong nhà hết thức ăn Tăng thêm 5% lượng thức ăn lần sau
 Nếu trong nhà còn < 5% Giữ nguyên lượng thức ăn lần sau
 Nếu trong nhà còn 5 - 10% Giảm 5% lượng thức ăn lần sau
 Nếu trong nhà còn 10 - 25% Giảm 10% lượng thức ăn lần sau
 Nếu trong nhà còn > 25% Ngừng cho ăn lần tiếp theo và bắt đầu cho ăn lại với lượng thức ăn giảm đi 50%.
 Tiếp tục với lượng thức ăn bình thường nếu trong nhà hết thức ăn.